

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI
Bản án số: **226/2026/HS-ST**
Ngày: 23/4/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Bùi Thị Bích Vân

- Bà Tạ Thị Thà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 157/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39 ngày 14 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1978; Số căn cước công dân: 001078010887 do Cục QLHC về TTXH cấp ngày 17/8/2022; Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ F, phường Y, Thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Số G, ngách F ngõ A K, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Lê Quốc B (Sinh năm 1948 đã chết); Con bà: Nguyễn Thị P (Sinh năm 1954); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba; Có vợ là: Bùi Thị Huyền T1 (Sinh năm 1990), đã ly hôn; Có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000001518 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án; 01 tiền sự

- Năm 2010 bị Công an quận H xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc (Đã hết thời hiệu).

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. Hoàng Huệ H, sinh năm 1977; Số căn cước công dân: 019177002925; Nơi đăng ký thường trú: Tổ G, phường P, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở: Số G, ngách

F ngõ A K, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Hoàng Bắc N (Sinh năm 1955); Con bà: Đàm Thu P1 (Sinh năm 1953); Gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ hai; Có chồng là: Vũ Quang O (Sinh năm 1974), đã ly hôn; Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 001522 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

3. Hà Chí T2, sinh năm 1988; Số căn cước công dân: 025088007320; Nơi đăng ký thường trú: Khu G, xã C, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: Số I, hẻm A, ngách B, ngõ B M, phường T, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Hà Văn G (Sinh năm 1965); Con bà: Trần Thị T3 (Sinh năm 1967); Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là: Hà Thị Cẩm T4 (Sinh năm 1988); Có 01 con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000001520 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

4. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 036090005366; Nơi đăng ký hộ khẩu: Xóm A, xã X, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở: Số A, ngõ D đường T, phường L, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Văn T5 (Sinh năm 1954); Con bà: Nguyễn Thị T6 (Sinh năm 1950); Gia đình có 04 người con, bị cáo là con thứ tư; Có vợ là: Phạm Thị H1 (Sinh năm 1990); Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000001523 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

5. Nguyễn Xuân T7, sinh năm 1987; Căn cước công dân số: 025087004585; Nơi đăng ký thường trú: Khu C, xã C, tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở: Khu nhà nhân viên bể bơi bán đảo L, phường H, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Nguyễn Đình T8 (Sinh năm 1965); Con bà: Nguyễn Thị T9 (Sinh năm 1966); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ nhất; Có vợ là:

Nguyễn Thị H2 (Sinh năm 1989); Có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000001519 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

6. Phạm Văn T10, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 036091016119; Nơi đăng ký thường trú: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở: Số E ngõ A K, phường Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Phạm Văn T11 (Sinh năm 1958); Con bà: Trần Thị G1 (Sinh năm 1960); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không; D chỉ bản số 000001524 do PC01, Công an T12 lập ngày 12/10/2025.

Nhân thân: Không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

7. Phạm Văn B2, sinh năm 1989; Căn cước công dân số: 036089011962; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông: Phạm Văn T11 (Sinh năm 1958); Con bà: Trần Thị G1 (Sinh năm 1960); Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án, không có tiền sự; D chỉ bản số 00000121 lập ngày 10/01/2026 tại phân trại tạm giam H, Công an T12.

- Bản án số 209 ngày 22/8/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 16 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2024 (Chưa được xóa án tích).

Nhân thân: 01 tiền án, không có tiền sự.

- Bản án số 450 ngày 14/8/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xử phạt 6 tháng 11 ngày tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 03/02/2015 (Đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt truy nã từ ngày 14/01/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố T12 *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Hồi 00 giờ 10 phút ngày 03/10/2025, tại nhà số G ngách F ngõ A K, phường Đ, thành phố Hà Nội, tổ công tác Công an phường Đ bắt quả tang Hà Chí T2, Lê Văn T, Phạm Văn T10, Nguyễn Xuân T7, Hoàng Huệ H, Nguyễn Văn B1 và Phạm Văn B2 có hành vi đánh bạc hình thức chơi bài “*Liêng*” được thua bằng

tiền. Quá trình tổ công tác bắt giữ các đối tượng, Phạm Văn B2 đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn.

Tổ công tác thu giữ các đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân trên nền nhà
- Tạm giữ của Hà Chí T2: Tiền mặt: 1.020.000 đồng
- Tạm giữ của Lê Văn T: Tiền mặt 1.680.000 đồng
- Tạm giữ của Phạm Văn T10: Tiền mặt 500.000 đồng
- Tạm giữ của Nguyễn Xuân T7: Tiền mặt 1.580.000 đồng
- Tạm giữ của Hoàng Huệ H: Tiền mặt 170.000 đồng
- Tạm giữ của Phạm Văn B2: Tiền mặt 80.000 đồng
- Tạm giữ của Nguyễn Văn B1: Tiền mặt 2.480.000 đồng

Tổng số tiền tạm giữ là 7.510.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Lê Văn T và Hoàng Huệ H chung sống như vợ chồng tại số G tại nhà số G ngách F ngõ A K, phường Đ, thành phố Hà Nội. Khoảng 19 giờ ngày 02/10/2025, Phạm Văn T10 gọi điện thoại cho T nói sẽ qua nhà T chơi. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Hà Chí T2 gọi điện cho Hoàng Huệ H rủ qua nhà chơi nhưng H từ chối sau đó rủ T2 qua nhà mình. Trên đường đi T2 vào một quán tạp hóa ven đường mua 01 bộ bài Tú lơ khơ mang đến nhà H. Khoảng 20 giờ cùng ngày T về nhà đến nhà, sau đó khoảng 20 giờ 30 Nguyễn Văn B1 đến chơi, tiếp sau khoảng 20 phút thì T10 đến.

Cả nhóm ngồi uống nước nói chuyện đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì T2 bỏ bộ bài ra nền nhà sau đó tất cả thống nhất cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “chơi liêng” ăn tiền. Cả nhóm thống nhất sử dụng 01 bộ tú lơ khơ 52 lá chơi “Liêng”. Mỗi một ván người chơi sẽ được chia 03 quân bài tính điểm, điểm cao nhất là 9, điểm thấp là 0, ngoài ra còn có 03 cây đầu người (*thường gọi là đĩ hoặc ảnh*) ví dụ Q, J sẽ lớn hơn 9 điểm. Liêng là 03 ba quân bài liền kề nhau ví dụ 3-4-5, J1, và sấp là 03 cây bài giống nhau ví dụ như 03 cây J, 03 cây Q, trong đó sấp là to nhất. Mỗi một ván chơi mọi người vào “gà” 20.000 đồng, người nào thắng ván trước sẽ là người chia bài và phải vào gà ván tiếp 60.000 đồng, trong ván nếu ai muốn thì sẽ tố ít nhất là 40.000 đồng, tố cao nhất thì không quy định, không giới hạn số lần tố trong 01 ván chơi. Nếu có người trong ván đường liêng đồng hoa, ngoài tiền tố thì mỗi người phải trả cho người có liêng là 60.000 đồng, nếu được sấp (*3 cây bài giống nhau*) thì mỗi người phải trả cho người được sấp là 100.000 đồng.

Cả nhóm đánh bạc đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì Phạm Văn B2 và Nguyễn Xuân T7 đến chơi cùng. Đến khoảng 0 giờ 10 phút ngày 03/10/2025, khi cả nhóm đang đánh bài ăn tiền thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang. Quá trình cơ quan công an kiểm tra thì anh Phạm Văn B2 bỏ chạy

thoát sau đó vắng mặt tại nơi cư trú. Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T12 đã ra quyết định khởi tố bị can, ra quyết định truy nã đối với Phạm Văn B2 về tội Đánh bạc. Ngày 14/01/2026 Phạm Văn B2 bị bắt truy nã. Tại cơ quan Công an, các bị can khai nhận hành vi phạm tội, lời khai phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan Điều tra thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Tính đến thời điểm bị bắt, các bị can đã sử dụng số tiền đánh bạc như sau:

1. Lê Văn T: Trước khi đánh bạc có khoảng 1.300.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 380.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 1.680.000 đồng.

2. Hoàng Huệ H: Trước khi đánh bạc có 500.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi H thua 330.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 170.000 đồng.

3. Hà Chí T2: Trước khi đánh bạc có 1.600.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi thua 580.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 1.020.000 đồng.

4. Nguyễn Xuân T7: Trước khi đánh bạc có 1.400.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 180.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 1.580.000 đồng.

5. Nguyễn Văn B1: Trước khi đánh bạc có 1600.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi thắng 880.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 2.480.000 đồng.

6. Phạm Văn T10: Trước khi đánh bạc có 650.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình chơi thua 150.000 đồng, khi bắt quả tang bị thu giữ 500.000 đồng.

7. Phạm Văn B2: Mang theo 600.000 đồng, quá trình đánh thua. Khi bắt quả tang B2 bỏ chạy thoát, Công an thu dưới nền nhà tại vị trí B2 ngồi 80.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc với nhau là 7.510.000 đồng.

Các bị can có mối quan hệ bạn bè, tối ngày 03/10/2025 đến chơi nhà Lê Văn T và Hoàng Huệ H sau đó cùng nhau đánh bạc thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Tang vật của vụ án gồm 01 bộ bài tứ lơ khơ 52 quân và số tiền 7.510.000 đồng được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, thành phố Hà Nội để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 262/CT-VKS-HS ngày 26/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

*** Tại phiên tòa:** Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên nắm quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo các bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Huệ H mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hà Chí T2 mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T7 mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T10 mức hình phạt tù 9 tháng tù đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn B2 mức hình phạt tù 12 tháng tù đến 16 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2026. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân.
- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: Đối với tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.510.000 đồng.

[3] Tranh luận tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, nên không có tranh luận với Kiểm sát viên.

[4] Lời nói sau cùng: Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử cho bị cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố T12, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét về hành vi vi phạm bị truy tố:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Xét lời khai của các bị cáo thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, cũng như tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu được của vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 02/10/2025 tại số nhà G ngách F ngõ A K, phường Đ, thành phố Hà Nội. Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Xuân T7, Phạm Văn T10 và Phạm Văn B2 cùng nhau đánh bạc dưới hình thức “chơi liêng” được thua bằng tiền thì bị Công an phát hiện, bắt giữ. Tổng số tiền các bị can dùng để đánh bạc là 7.510.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, đồng thời là nguyên nhân dẫn đến việc gia tăng các tệ nạn khác. Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản

1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét về vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Các bị cáo cùng rủ nhau đánh bạc, không có người khởi xướng, rủ rê nên các bị cáo có vai trò đồng phạm tương đương như nhau. Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn.

Về tình tiết tăng nặng TNHS:

- Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Xuân T7, Nguyễn Văn B1, Phạm Văn T10 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Phạm Văn B2 trước khi phạm tội lần này đã có 01 tiền án nhưng chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS:

- Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Xuân T7, Nguyễn Văn B1, Phạm Văn T10 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Xuân T7, Nguyễn Văn B1, Phạm Văn T10 được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Đối với bị cáo Phạm Văn B2, nhân thân có 02 tiền án, trong đó có 01 tiền án đã được xóa án tích. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị Phạm Văn B2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về quyết định hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Xuân T7, Nguyễn Văn B1, Phạm Văn T10 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc các bị cáo cải tạo ngoài xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội. Xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội cũng đủ tác dụng giáo dục,

răn de bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Đối với bị cáo Phạm Văn B2 nhân thân có 02 tiền án, trong đó có 01 tiền án đã được xóa án tích còn 01 tiền án chưa được xóa. Do đó, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được xem là người có nhân thân xấu, đã được giáo dục nhưng vẫn coi thường pháp luật. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới đủ tác dụng giáo dục, răn de bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo đều không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng

- Đối với số tiền 7.510.000 đồng thu giữ của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài túi lơ khơ 52 quân thu giữ của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là công cụ các bị cáo sử dụng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (Đối với các bị cáo: Lê Văn T; Hoàng Huệ H; Hà Chí T2; Nguyễn Xuân T7; Nguyễn Văn B1 và Phạm Văn T10).

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (Đối với bị cáo Phạm Văn B2);

- Căn cứ vào Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Xuân T7, Nguyễn Văn B1, Phạm Văn T10, Phạm Văn B2 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

- Xử phạt **Lê Văn T 10 (Mười)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt **Hoàng Huệ H 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt **Hà Chí T2 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt **Nguyễn Xuân T7 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt **Nguyễn Văn B1 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt **Phạm Văn T10 09 (Chín)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt **Phạm Văn B2 12 (Mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2026.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước số tiền 7.510.000 đồng thu giữ của các bị cáo. *(Đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội tại Giấy nộp tiền ngày 20/10/2025).*

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ tú lơ khơ 52 lá màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của các bị cáo. *(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Phiếu nhập kho số 2026/KV3-289 ngày 27 tháng 3 năm 2026).*

5. Về án phí: Mỗi bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Xuân T7, Phạm Văn T10, Phạm Văn B2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Lê Văn T, Hoàng Huệ H, Hà Chí T2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Xuân T7, Phạm Văn T10, Phạm Văn B2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- Chính quyền địa phương nơi cư trú các bị cáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại

Số: **40/2025/TB-TA**

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2026

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 226/2026/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có lỗi do nhầm lẫn cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại dòng thứ 11 và 12 từ dưới lên trang 10 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “Giao các bị cáo cho Chính quyền địa phương để giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách án treo”.

Nay được bổ sung như sau:

- Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Giao bị cáo Hoàng Huệ H cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Giao bị cáo Hà Chí T2 cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn B1 cho Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Giao bị cáo Nguyễn Xuân T7 cho Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

- Giao bị cáo Phạm Văn T10 cho Ủy ban nhân dân phường Đ, Thành phố Hà Nội để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách án treo.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND KV3-HN;
- VKSND TP Hà Nội;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Trại tạm giam số 2 - Công an TP Hà Nội;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lại